

Số: 56 /TB-PTQĐ

Mê Linh, ngày 10 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với 130 thửa đất tại thôn Bạch Đa, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mê Linh thông báo lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với 130 thửa đất tại thôn Bạch Đa, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, gồm các nội dung sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất

- Tên đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá QSD đất: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mê Linh.

- Địa chỉ: Xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

2. Vị trí, diện tích, giá khởi điểm của các vị trí đấu giá

(Chi tiết tại bảng thống kê chi tiết lô đất kèm theo)

3. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản:

Tổ chức đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và các tiêu chí quy định tại Điều 3 Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022, các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mê Linh quy định, cụ thể như sau:

*** Tiêu chí bắt buộc:**

I	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

*** Tiêu chí chấm điểm:**

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0

1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản	6,0

	<i>sao hợp đồng)</i>	
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện)</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0
4	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</i>	3,0
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	1,0
4.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	2,0
4.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	3,0

5	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</i>	4,0
5.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0
5.2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0
5.3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</i>	5,0
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo-hợp đồng lao động</i>	3,0
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0
8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	1,0
IV	<i>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>	5,0
1	<i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3,0
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0

V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
1	Cam kết tiền đặt trước được thông báo nộp vào 03 tài khoản ngân hàng khác nhau; cam kết về tính bảo mật thông tin tại ngân hàng	3,0
2	Cam kết người tham gia đấu giá không phải chịu bất kỳ một khoản chi phí nào đối với việc nhận lại tiền đặt trước	2,0
Tổng số điểm		100

Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản chuẩn bị, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản. Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với các giấy tờ, tài liệu chứng minh các tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia của mình.

Trường hợp các đơn vị được đánh giá có điểm cao bằng nhau thì xét theo tiêu chí vượt mức tối đa, đơn vị nào có nhiều tiêu chí vượt mức điểm tối đa sẽ được lựa chọn.

4. Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn:

Các Tổ chức đấu giá có đủ năng lực, kinh nghiệm phù hợp theo yêu cầu nộp hồ sơ đăng ký về Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mê Linh trước 17h00 phút ngày 15/11/2023.

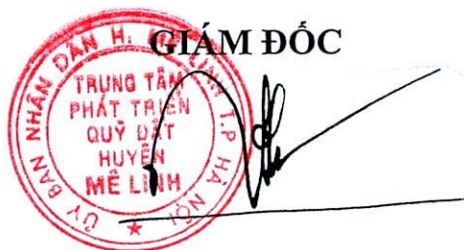
Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mê Linh - Xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 02435235018

Người đến nộp hồ sơ mang theo Giấy giới thiệu và Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (*Lưu ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với các trường hợp không được lựa chọn*).

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mê Linh trân trọng thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản được biết và đăng ký theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (để b/cáo);
- Cổng thông tin Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Cổng thông tin điện tử huyện Mê Linh;
- Lưu: VT.(Thức.03b).



Đinh Ngọc Thức

BẢNG THÔNG KÊ CHI TIẾT LÔ ĐẤT

STT	Lô đất đấu giá	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Tổng tiền theo giá khởi điểm (đồng)	Vị trí đất
1	LK-1A-01	187,56	32.800.000	6.151.968.000	Vị trí 1
2	LK-1A-02	124,76	30.100.000	3.755.276.000	Vị trí 1
3	LK-1A-03	124,54	30.100.000	3.748.654.000	Vị trí 1
4	LK-1A-04	124,33	30.100.000	3.742.333.000	Vị trí 1
5	LK-1A-05	124,11	30.100.000	3.735.711.000	Vị trí 1
6	LK-1A-06	123,89	30.100.000	3.729.089.000	Vị trí 1
7	LK-1A-07	123,68	30.100.000	3.722.768.000	Vị trí 1
8	LK-1A-08	184,96	32.800.000	6.066.688.000	Vị trí 1
9	LK-1B-01	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
10	LK-1B-02	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
11	LK-1B-03	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
12	LK-1B-04	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
13	LK-1B-05	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
14	LK-1B-06	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
15	LK-1B-07	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
16	LK-1B-08	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
17	LK-1B-09	114,64	25.900.000	2.969.176.000	Vị trí 2
18	LK-1C-01	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2
19	LK-1C-02	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2
20	LK-1C-03	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2
21	LK-1C-04	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2
22	LK-1C-05	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2
23	LK-1C-06	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2
24	LK-1C-07	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2
25	LK-1C-08	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2
26	LK-1C-09	121,00	25.900.000	3.133.900.000	Vị trí 2
27	LK-2A-01	159,03	32.800.000	5.216.184.000	Vị trí 1
28	LK-2A-02	122,26	30.100.000	3.680.026.000	Vị trí 1
29	LK-2A-03	122,05	30.100.000	3.673.705.000	Vị trí 1
30	LK-2A-04	121,83	30.100.000	3.667.083.000	Vị trí 1
31	LK-2A-05	121,61	30.100.000	3.660.461.000	Vị trí 1
32	LK-2A-06	121,40	30.100.000	3.654.140.000	Vị trí 1
33	LK-2A-07	120,68	30.100.000	3.632.468.000	Vị trí 1
34	LK-2A-08	168,08	32.800.000	5.513.024.000	Vị trí 1
35	LK-2B-01	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
36	LK-2B-02	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
37	LK-2B-03	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
38	LK-2B-04	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
39	LK-2B-05	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
40	LK-2B-06	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
41	LK-2B-07	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
42	LK-2B-08	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
43	LK-2B-09	114,64	25.900.000	2.969.176.000	Vị trí 2
44	LK-2C-01	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2
45	LK-2C-02	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2

STT	Lô đất đấu giá	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Tổng tiền theo giá khởi điểm (đồng)	Vị trí đất
46	LK-2C-03	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2
47	LK-2C-04	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2
48	LK-2C-05	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2
49	LK-2C-06	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2
50	LK-2C-07	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2
51	LK-2C-08	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2
52	LK-2C-09	120,98	27.000.000	3.266.460.000	Vị trí 2
53	LK-3A-01	117,50	25.900.000	3.043.250.000	Vị trí 2
54	LK-3A-02	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
55	LK-3A-03	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
56	LK-3A-04	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
57	LK-3A-05	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
58	LK-3A-06	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
59	LK-3A-07	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
60	LK-3A-08	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
61	LK-3B-01	123,98	27.000.000	3.347.460.000	Vị trí 2
62	LK-3B-02	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2
63	LK-3B-03	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2
64	LK-3B-04	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2
65	LK-3B-05	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2
66	LK-3B-06	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2
67	LK-3B-07	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2
68	LK-3B-08	105,00	25.700.000	2.698.500.000	Vị trí 2
69	LK-3C-01	137,87	25.900.000	3.570.833.000	Vị trí 2
70	LK-3C-02	108,05	24.700.000	2.668.835.000	Vị trí 2
71	LK-3C-03	108,59	24.700.000	2.682.173.000	Vị trí 2
72	LK-3C-04	109,12	24.700.000	2.695.264.000	Vị trí 2
73	LK-3C-05	109,66	24.700.000	2.708.602.000	Vị trí 2
74	LK-3C-06	110,20	24.700.000	2.721.940.000	Vị trí 2
75	LK-3C-07	110,24	24.700.000	2.722.928.000	Vị trí 2
76	LK-3C-08	151,19	27.000.000	4.082.130.000	Vị trí 2
77	LK-4A-01	117,50	25.900.000	3.043.250.000	Vị trí 2
78	LK-4A-02	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
79	LK-4A-03	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
80	LK-4A-04	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
81	LK-4A-05	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
82	LK-4A-06	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
83	LK-4A-07	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
84	LK-4A-08	100,00	24.700.000	2.470.000.000	Vị trí 2
85	LK-4B-01	124,00	25.900.000	3.211.600.000	Vị trí 2
86	LK-4B-02	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2
87	LK-4B-03	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2
88	LK-4B-04	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2
89	LK-4B-05	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2
90	LK-4B-06	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2
91	LK-4B-07	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2
92	LK-4B-08	105,00	24.700.000	2.593.500.000	Vị trí 2

STT	Lô đất đấu giá	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Tổng tiền theo giá khởi điểm (đồng)	Vị trí đất
93	LK-4C-01	149,28	25.900.000	3.866.352.000	Vị trí 2
94	LK-4C-02	101,81	24.700.000	2.514.707.000	Vị trí 2
95	LK-4C-03`	102,35	24.700.000	2.528.045.000	Vị trí 2
96	LK-4C-04	102,89	24.700.000	2.541.383.000	Vị trí 2
97	LK-4C-05	103,42	24.700.000	2.554.474.000	Vị trí 2
98	LK-4C-06	103,96	24.700.000	2.567.812.000	Vị trí 2
99	LK-4C-07	104,50	24.700.000	2.581.150.000	Vị trí 2
100	LK-4C-08	155,82	25.900.000	4.035.738.000	Vị trí 2
101	LK-5A-01	131,22	32.800.000	4.304.016.000	Vị trí 1
102	LK-5A-02	80,27	24.700.000	1.982.669.000	Vị trí 2
103	LK-5A-03	80,20	24.700.000	1.980.940.000	Vị trí 2
104	LK-5A-04	80,13	24.700.000	1.979.211.000	Vị trí 2
105	LK-5A-05	80,07	24.700.000	1.977.729.000	Vị trí 2
106	LK-5A-06	80,00	24.700.000	1.976.000.000	Vị trí 2
107	LK-5A-07	79,93	24.700.000	1.974.271.000	Vị trí 2
108	LK-5A-08	79,87	24.700.000	1.972.789.000	Vị trí 2
109	LK-5A-09\	79,80	24.700.000	1.971.060.000	Vị trí 2
110	LK-5A-10	79,73	24.700.000	1.969.331.000	Vị trí 2
111	LK-5A-11	79,67	24.700.000	1.967.849.000	Vị trí 2
112	LK-5A-12	79,60	24.700.000	1.966.120.000	Vị trí 2
113	LK-5A-13	79,53	24.700.000	1.964.391.000	Vị trí 2
114	LK-5B-01	86,21	24.700.000	2.129.387.000	Vị trí 2
115	LK-5B-02`	73,79	24.700.000	1.822.613.000	Vị trí 2
116	LK-5B-03	73,69	24.700.000	1.820.143.000	Vị trí 2
117	LK-5B-04	73,60	24.700.000	1.817.920.000	Vị trí 2
118	LK-5B-05	73,50	24.700.000	1.815.450.000	Vị trí 2
119	LK-5B-06	73,41	24.700.000	1.813.227.000	Vị trí 2
120	LK-5B-07	73,31	24.700.000	1.810.757.000	Vị trí 2
121	LK-5B-08	85,41	24.700.000	2.109.627.000	Vị trí 2
122	LK-06-01	153,00	21.700.000	3.320.100.000	Vị trí 3
123	LK-06-02\	93,50	21.700.000	2.028.950.000	Vị trí 3
124	LK-06-03	93,50	21.700.000	2.028.950.000	Vị trí 3
125	LK-06-04	93,50	21.700.000	2.028.950.000	Vị trí 3
126	LK-06-05	93,50	21.700.000	2.028.950.000	Vị trí 3
127	LK-06-06	93,50	21.700.000	2.028.950.000	Vị trí 3
128	LK-06-07	93,50	21.700.000	2.028.950.000	Vị trí 3
129	LK-06-08`	93,50	21.700.000	2.028.950.000	Vị trí 3
130	LK-06-09	119,00	21.700.000	2.582.300.000	Vị trí 3
Cộng		13.777,40		356.086.766.000	

